CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NỘI DUNG THAM VẤN TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA CÔNG TRÌNH NẠO VÉT ĐẢM BẢO AN TOÀN GIAO THÔNG KÊNH TÁM NGÀN (KM 0+00 ĐẾN KM36+000)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

Tên dự án: Công trình nạo vét đảm bảo an toàn giao thông kênh Tám Ngàn (Km 0+00 đến Km36+000).

Địa điểm thực hiện: : Xã Tri Tôn, Ô Lâm, Vĩnh Gia, Bình Sơn, Bình Giang tỉnh An Giang.

Chủ dự án đầu tư: **Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam**

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

1.2.1. Quy mô, công suất

- Nạo vét đảm bảo an toàn giao thông kênh Tám Ngàn (km0+00 đến km36+000) bám theo tuyến công trình và tim luồng hiện hữu với tổng chiều dài tuyến 36,595 km (Tổng chiều dài đoạn cần nạo vét: 34,96km; Tổng chiều dài đoạn không nạo vét: 1,635km) đạt yêu cầu kỹ thuật chuẩn tắc tuyến luồng:

+ Chiều rộng đáy luồng B = 20 m.

+ Chiều sâu luồng H = 3,0 m.

+ Mái dốc nạo vét: m = 2.

- Khối lượng nạo vét:

Tổng khối lượng nạo vét dự kiến là 513.213,82 m^3.

Đây là công trình thuộc loại hình nạo vét (duy tu, bảo dưỡng) tuyến luồng đường thủy nội địa được thực hiện định kỳ theo chủ trương của Nhà nước.

1.2.2. Phạm vi

- Phạm vi đánh giá tác động môi trường của Dự án, gồm: các hạng mục thi công bãi chứa, nạo vét, vận chuyển và đổ vật chất nạo vét lên bãi chứa.

- Phạm vi ĐTM không bao gồm các hạng mục: giải phóng mặt bằng. Chủ dự án nhận bàn giao mặt bằng bãi chứa chất nạo vét từ chính quyền địa phương.

1.3. Công nghệ sản xuất

Phương án nạo vét:

+ Nạo vét bằng tàu hút công suất 585CV, phun trực tiếp lên bãi chứa: Chiều dài ống xả tối đa 1.500m.

+ Nạo vét bằng máy đào gầu dây dung tích 2,3 m^3 (đối với các đoạn còn lại), ngoạm đất đổ lên sà lan 250 tấn, vận chuyển đến vị trí bãi chứa và sử dụng tàu hút công

suất 585 CV hút hoặc các thiết bị có công suất, năng suất tương đương hút trực tiếp từ sà lan phun lên bãi chứa.

Vận chuyển chất nạo vét

Chất nạo vét được vận chuyển đến khu vực bãi đổ bằng tàu hút phun hoặc sà lan. Tuyến đường vận chuyển chỉ sử dụng luồng kênh Tám Ngàn, cự ly vận chuyển trung bình khoảng 10km (cả đi và về).

Phun hút chất nạo vét lên bãi đổ

Phun trực tiếp lên bãi chứa bằng tàu hút công suất 585CV: Chiều dài ống xả tối đa 1.500m

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

Căn cứ quy định về cấp kỹ thuật luồng ĐTNĐ, căn cứ tiêu chuẩn quốc gia TCVN 12910-2020: Luồng đường thủy nội địa – Yêu cầu thiết kế, căn cứ kết quả tính toán và điều kiện hiện trạng thực tế tại tuyến luồng hiện hữu, các thông số kỹ thuật và chuẩn tắc luồng thiết kế kênh Tám Ngàn đoạn từ km0+00 đến km36+000 tóm lượt như sau:

Bảng 1. Quy mô nạo vét tuyến luồng

TT	Hạng mục	Ký hiệu	Đơn vị	Thông số cơ bản
1	Chiều dài tàu	L	m	60
2	Chiều rộng tàu	B	m	7
3	Mớn nước đầy tải	T	m	2,3
4	Chế độ lưu thông			Luồng 2 làn hạn chế
5	Điều kiện vận hành			**(C)**
6	Mực nước chạy tàu (P%98)	MNCT	m	Từ -0,03 đến -0,04
7	**Chiều sâu luồng chạy tàu**	**H**	**m**	**3,0m**
8	Cao trình đáy luồng	▼$_{CTĐL}$	m	-3,0m
9	**Bề rộng đáy luồng**	**W_B**	**m**	**20m**
10	Bán kính cong	R	m	350
11	Mái dốc nạo vét	m		2

Nguồn: Thuyết minh Báo cáo kinh tế kỹ thuật

✓ *Bãi chứa sản phẩm nạo vét:*

Tổng khối lượng nạo vét của công trình khoảng 513.213,82 m^3 được đổ vào 06 bãi chứa.

Bảng 2. Tổng hợp khối lượng phân bổ chất nạo vét cề các bãi chứa chất thải

STT	Tên bãi chứa	Vị trí (km)	Sức chứa tính toán (m^3)	Khối lượng tiếp nhận từ hút phun trực tiếp lên bãi (m^3)	Khối lượng tiếp nhận từ vị trí lân khác chuyển về (m^3)	Tổng khối lượng tiếp nhận (m^3)
1	Bãi đổ số 1	Km32+140	41.600,49	4.765,10	36.367,41	41.132,51
2	Bãi đổ số 2	Km17+900	93.404,88	25.867,30	67.315,00	93.182,30

STT	Tên bãi chứa	Vị trí (km)	Sức chứa tính toán (m^3)	Khối lượng tiếp nhận từ hút phun trực tiếp lên bãi (m^3)	Khối lượng tiếp nhận từ vị trí lân khác chuyển về (m^3)	Tổng khối lượng tiếp nhận (m^3)
3	Bãi đổ số 3	Km15+380	66.230,84	26,655,50	38.216,02	64.871,52
4	Bãi đổ số 4.1 Bãi đổ số 4.2	Km15+040	47.424,60	27.026,90	20.051,20	47.078,10
5	Bãi đổ số 5	Km04+780	160.304,15	49.515,10	110.145,00	159.660,10
6	Bãi đổ số 6	Km01+580	117.360,55	47.768,30	59.521,00	107.289,30
	Tổng cộng		**526.325,82**	**181.598,20**	**331.615,62**	**513.213,82**

✓ *Phương án nạo vét và vận chuyển chất nạo vét*

- Phương án nạo vét

Căn cứ vào điều kiện thực tế cho thấy địa chất khu vực nạo vét là bùn sét, phạm vi nạo vét trải dài dọc theo tuyến, bãi chứa chất nạo vét phần lớn gần tuyến sông nạo vét, do dó, phương án nạo vét và vận chuyển chất nạo vét phù hợp như sau:

+ Nạo vét bằng tàu hút công suất 585CV, phun trực tiếp lên bãi chứa: Chiều dài ống xả tối đa 1.500m.

+ Nạo vét bằng máy đào gầu dây dung tích 2,3 m^3 (đối với các đoạn còn lại), ngoạm đất đổ lên sà lan 250 tấn, vận chuyển đến vị trí bãi chứa và sử dụng tàu hút công suất 585 CV hút hoặc các thiết bị có công suất, năng suất tương đương hút trực tiếp từ sà lan phun lên bãi chứa.

Chất nạo vét được vận chuyển đến khu vực bãi đổ bằng tàu hút phun hoặc sà lan. Tuyến đường vận chuyển chỉ sử dụng luồng kênh Tám Ngàn, cự ly vận chuyển trung bình khoảng 10km (cả đi và về).

Bảng 1.3. Nhu cầu thiết bị dự kiến trong quá trình thi công nạo vét

TT	Phương tiện	Đơn vị	Khối lượng
I. Thi công dưới nước			
1	Canô 23 CV	ca	746,23
2	Cần cẩu nổi 30T	ca	157,70
3	Cẩu nổi 30 T	ca	266,93
4	Máy đào gầu dây 2,3m^3	ca	643,20
5	Máy phát điện 62,5 kVA	ca	846,67
6	Sà lan 200 T	ca	1.177,06
7	Sà lan 250T	ca	2.733,31
8	Tàu hút 585 CV	ca	846,67
9	Tàu kéo 150 CV	ca	2.090,11
10	Tàu kéo 360 CV	ca	325,74
11	Tời điện 3 T	ca	846,67
II. Thi công bãi chứa CNV			
1	Máy đào 0,50 m^3	ca	170,49

2	Máy đào 1,25 m^3	ca	164,68
3	Máy ủi 110CV	ca	19,15

✓ Tiến độ, tổng mức đầu tư, tổ chức quản lý và thực hiện dự án

Tiến độ của dự án

Tiến độ thi công dự kiến là khoảng 100 ngày trong đó thời gian thi công nạo vét khoảng 65 ngày.

Thời gian thực hiện công trình: Năm 2025 - 2026.

Bảng 1.4. Tiến độ thực hiện dự án

TT	Hạng mục công việc	Thời gian	Ghi chú
1	Công tác chuẩn bị bàn giao mặt bằng	03 ngày	
2	Công tác đào đắp đê bao, đê ngăn	15 ngày	
3	Công tác thi công nạo vét	65 ngày	
4	Công tác nghiệm thu bàn giao	02 ngày	
5	Dự phòng thời tiết và các yếu tố khác	05 ngày	
	Tổng tiến độ thi công	**100 ngày**	

Lưu ý: Thời gian thi công trên đây là kế hoạch dự kiến, thời gian và tiến độ thi công phụ thuộc vào điều kiện thực tế khi triển khai tại hiện trường.

Tổng mức đầu tư

Tổng mức đầu tư công trình dự kiến: 92.241.515.472 (Chín mươi hai tỷ, hai trăm bốn mươi mốt triệu, năm trăm mười lăm nghìn, bốn trăm bảy mươi hai đồng), trong đó:

- Chi phí xây dựng : 53.734.154.289 đồng
- Chi phí quản lý dự án : 1.268.180.647 đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng : 5.019.814.135 đồng
- Chi phí khác : 27.826.913.283 đồng
- Chi phí dự phòng : 4.392.453.118 đồng

(Tổng mức đầu tư theo Báo cáo thẩm tra Công trình, tổng kinh phí có thể thay đổi tại thời điểm phê duyệt dự toán công trình)

Nguồn vốn: Nguồn vốn sự nghiệp kinh tế đường thủy nội địa năm 2025 - 2026.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

- Khu vực thực hiện công trình không nằm trong khu bảo tồn thiên nhiên, đất rừng, khu bảo tồn biển, khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản, vùng đất ngập nước quan trọng và di sản thiên nhiên.

- Công trình không sử dụng đất của di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh.

- Công trình không chiếm dụng đất trồng lúa, không có yêu cầu di dân, tái định cư do đó không thuộc đối tượng nhạy cảm theo Điểm đ, Khoản 4, Điều 25 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 01/01/2022 của Chính phủ.

- Trên khu vực tuyến luồng: Có họng cấp nước của trạm cấp nước Lương An Trà tại Km 18+600, trạm cấp nước Châu Lăng tại Km 29+650, trạm cấp nước Tri Tôn tại Km 34+000 do Công ty CP điện nước An Giang quản lý. Có họng cấp nước của trạm cấp nước Ninh Thạnh tại Km 26+400 do Trung tâm nước sạch tỉnh An Giang quản lý. Như vậy tuyến luồng đoạn thực hiện nạo vét thuộc phạm vi công trình nằm trên kênh Tám Ngàn có sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

Như vậy phạm vi dự án có yếu tố nhạy cảm về môi trường theo Điểm b, Khoản 4, Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 01/01/2022 của Chính phủ và theo quy định tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP: Dự án có xả nước thải vào nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.

2. Các nội dung tham vấn

2.1. Vị trí thực hiện dự án đầu tư

2.1.1. Vị trí địa lý

Tuyến luồng đường thủy nội địa Quốc gia kênh Tám Ngàn là tuyến vận tải thủy kết nối giao thông thủy giữa các vùng trong tỉnh An Giang và khu vực Đồng bằng sông Cửu Long. Điểm đầu tuyến bắt đầu từ ngã ba kênh Rạch Giá – Hà Tiên (Km0+00), điểm cuối tuyến là ngã tư kênh Mặc Cần Dưng và kênh Tri Tôn Hậu Giang (Km 36+000). Phạm vi dự án đi qua các xã: Xã Tri Tôn, Ô Lâm, Vĩnh Gia, Bình Sơn, Bình Giang tỉnh An Giang, dài 36km.

2.1.2. Hiện trạng sử dụng đất

"Công trình nạo vét đảm bảo an toàn giao thông kênh Tám Ngàn (Km 0+00 đến Km 36+000)" sử dụng 93,07 ha diện tích đất mặt nước, mặt đất, gồm:

+ 73,19 ha diện tích mặt nước đối với hoạt động nạo vét luồng tàu (chiều rộng mặt nước 20, 0 m, tổng chiều dài tuyến 36.595 m) nằm trên tuyến đường thủy nội địa quốc gia do Cục Hàng hải và đường thủy Việt Nam quản lý;

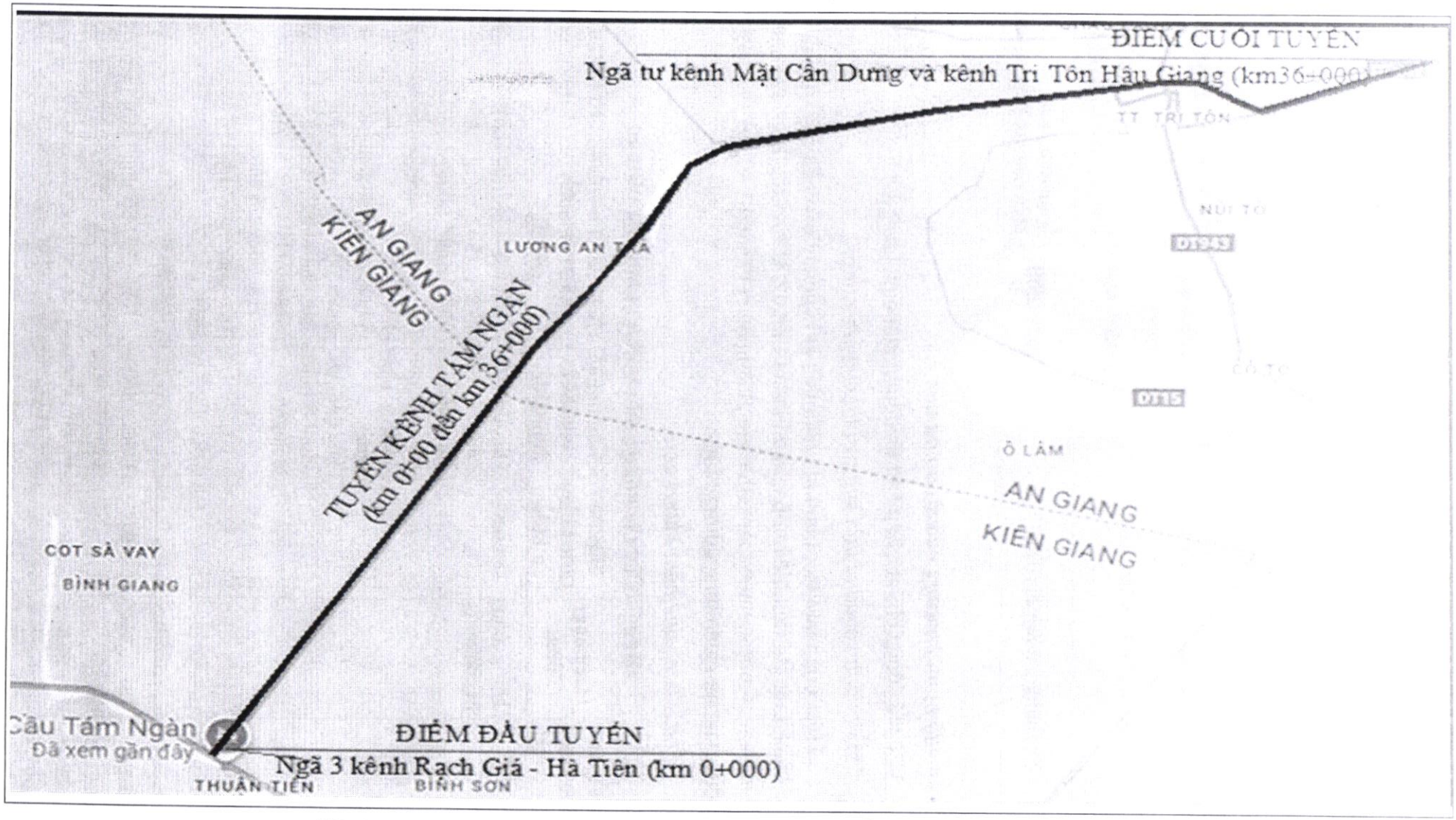
+ 19,88 ha diện tích đất để làm bãi chứa chất nạo vét;

Diện tích thực hiện công trình tổng hợp trong bảng sau:

Bảng 5. Diện tích thực hiện công trình

STT	Đoạn nạo vét	Chiều dài (m)	Chiều rộng đáy luồng (m)	Diện tích (ha)
I	**Đoạn luồng nạo vét thuộc Công trình**			**73,19**
1	Km0+00 đến Km36+000	34960	20	73,19
II	**Bãi chứa CNV**			**19,88**
1	Bãi chứa CNV số 1			3,8
2	Bãi chứa CNV số 2			2,78
3	Bãi chứa CNV số 3			2,2

STT	Đoạn nạo vét	Chiều dài (m)	Chiều rộng đáy luồng (m)	Diện tích (ha)
4	Bãi chứa CNV số 4			2,1
5	Bãi chứa CNV số 5			5,0
6	Bãi chứa CNV số 6			4,0
III	**Tổng diện tích công trình (III = I + II)**			**93,07**



Hình 1. Vị trí kênh Tám Ngàn đoạn Km 0+000 đến Km 36+000

2.1.3. Mô tả các đối tượng nhạy cảm xunh quanh khu vực dự án

Bảng 6. Các đối tượng nhạy cảm xung quanh khu vực thực hiện dự án

STT	Đối tượng, vị trí	Lý trình tuyến	Khoảng cách
1	Trạm cấp nước Lương An trà	Km18+600	Nằm trên luồng nạo vét, cách biên nạo vét khoảng 8m
2	Trạm cấp nước Ninh Thạnh	Km26+400	Nằm trên luồng nạo vét, cách biên nạo vét khoảng 8m
3	Trạm cấp nước Châu Lăng	Km29+650	Nằm trên luồng nạo vét, cách biên nạo vét khoảng 8m
4	Xí nghiệp nước Tri Tôn	Km34+000	Nằm trên luồng nạo vét, cách biên nạo vét khoảng 8m

2.2. Tác động môi trường của dự án đầu tư

Các tác động chính của dự án theo từng giai đoạn, bao gồm:

** Giai đoạn chuẩn bị thi công và thi công xây dựng*

- Hoạt động nạo vét, phun hút chất nạo vét bằng ,áy đào gầu dây, tàu hút phun sẽ phát sinh bụi, khí thải, tiếng ồn, làm gia tăng lượng TSS trong nước, phát sinh chất thải rắn thông thường, nước thải sinh hoạt, chất nạo vét và nguy cơ xảy ra sự cố tai nạn lao động, tai nạn giao thông đường thủy.

** Giai đoạn vận hành:* không có

Bảng 7. Các tác động môi trường chính của Dự án

Các giai đoạn của công trình	Các hoạt động	Tiến độ thực hiện dự kiến	Công nghệ/ cách thức thực hiện	Khả năng tác động xấu đến môi trường	Đối tượng chịu tác động
Thi công	Thi công bãi chứa	15 ngày	Dọn dẹp mặt bằng; Đào đắp cơ giới và thủ công bão chứa; Thi công hố lắng, bờ bao, đê ngăn	- Bụi và khí thải (TSP, CO, SO_2, NO_2) ảnh hưởng đến chất lượng không khí. - Phát sinh chất thải nguy hại từ quá trình sửa chữa máy móc thiết bị. - Tác động không liên quan đến chất thải: + Tiếng ồn.	Môi trường không khí, môi trường nước, chất thải và tiếng ồn khu vực bãi chứa chất nạo vét Một số hộ dân gần khu vực nạo vét
Thi công	Thi công nạo vét	65 ngày	Hoạt động nạo vét bằng tàu hút phun, gầu giây và	- Bụi và khí thải (TSP, CO, SO_2, NO_2) ảnh hưởng đến chất lượng	Môi trường nước khu vực nạo vét kênh Tám Ngàn đoạn từ Km0+00

Các giai đoạn của công trình	Các hoạt động	Tiến độ thực hiện dự kiến	Công nghệ/ cách thức thực hiện	Khả năng tác động xấu đến môi trường	Đối tượng chịu tác động
			các thiết bị phụ trợ khác	không khí. - Tác động đến môi trường nước do: + Nước tràn từ khoang chứa của tàu, sà lan. - Phát sinh chất thải nguy hại từ quá trình sửa chữa máy móc thiết bị. - Tác động không liên quan đến chất thải: + Tiếng ồn. + Xói lở trong quá trình nạo vét. + Gây cản trở phương tiện giao thông thủy. + Ảnh hưởng tới HST dưới nước. + Ảnh hưởng đến hoạt động NTTS + Ảnh hưởng đến hoạt động lấy nước của các trạm cấp nước.	– Km36+000; Môi trường không khí, trầm tích và tiếng ồn khu vực nạo vét; HST dưới nước khu vực nạo vét; Một số hộ dân gần vị trí nạo vét; ATGT đường thủy
Thi công	Vận chuyển và phun hút CNV lên bãi đổ	65 ngày	Sà lan vận chuyển, đường ống dẫn bùn đất vào bãi đổ	- Bụi và khí thải (TSP, CO, SO_2, NO_2) ảnh hưởng đến chất lượng không khí. - Tác động đến môi trường nước do: + Nước tràn từ khoang chứa của tàu. + Nước róc từ bãi chứa - Phát sinh chất thải nguy hại từ quá trình sửa chữa máy móc thiết bị. - Tác động không liên quan đến chất thải: + Tiếng ồn.	Môi trường nước; Môi trường không khí và tiếng ồn khu vực bãi đổ; HST nông nghiệp gần các bãi đổ chất nạo vét; ATGT khu vực đổ; Tiếng ồn khu vực đổ chất nạo vét (6 bãi đổ)

Các giai đoạn của công trình	Các hoạt động	Tiến độ thực hiện dự kiến	Công nghệ/ cách thức thực hiện	Khả năng tác động xấu đến môi trường	Đối tượng chịu tác động
				+ Gây cản trở phương tiện giao thông thủy. + Ảnh hưởng tới HST dưới nước. + Ảnh hưởng đến hoạt động lấy nước tại các trạm cấp nước.	
Thi công	Sinh hoạt của công nhân.	80 ngày	Tập trung công nhân	- Nước thải sinh hoạt. - CTR sinh hoạt. - An ninh trật tự tại khu vực.	Môi trường nước trong khu vực nạo vét; Sức khỏe của công nhân và cộng đồng lân cận khu vực nạo vét, bãi đổ (6 bãi).

2.2.1.Các tác động liên quan đến chất thải

2.2.1.1. Nước thải, khí thải

a. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

* Giai đoạn thi công:

- Hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân tham gia thi công công trình phát sinh với lưu lượng phát sinh khoảng 3,50 m^3/ngày. Thành phần của nước thải sinh hoạt chủ yếu là các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD/COD), tổng coliforms và các chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh,....

- Hoạt động nạo vét, phun hút chất nạo vét bằng máy đào gầu dây, tàu hút phun làm gia tăng hàm lượng TSS trong môi trường nước.

- Nước tràn từ khoang chứa chất nạo vét từ tàu hút phun, sà lan làm xáo trộn dòng nước, tăng độ đục, tăng chất rắn lơ lửng của nguồn nước.

- Hoạt động tập kết chất nạo vét tại 06 bãi chứa CNV phát sinh lượng nước róc từ bãi chứa chất nạo vét với lượng khoảng từ 11.843,40 m^3/ngày với đặc trưng là hàm lượng TSS cao.

* Giai đoạn vận hành: Không phát sinh

b. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của khí thải

* Giai đoạn thi công:

- Hoạt động thi công bãi chứa, nạo vét, vận chuyển và phun hút vật chất nạo vét ảnh hưởng đến chất lượng không khí xung quanh do tiếng ồn và khói thải của các

phương tiện thi công nạo vét với thành phần ô nhiễm: bụi, SO_2, NO_x, CO, VOC. Kết quả tính toán cho thấy hàm lượng bụi, khí thải nằm trong giới hạn cho phép tại QCVN 05:2023/BTNTM, QCVN 19:2009/BTNMT (cột B). Bụi và khí thải từ động cơ phương tiện thi công, tác động trực tiếp đến môi trường không khí và tác động chủ yếu đến sức khỏe công nhân tham gia thi công.

- Mùi từ tanh đặc trưng từ chất nạo vét tại bãi chứa chất nạo vét do quá trình phân hủy thiếu khí của chất hữu cơ sinh ra các khí CO_2, CH_4, H_2S; mùi tanh từ các loài thủy sản như tôm, cua cá…) có thể ảnh hưởng đến các hộ dân hai bên bãi chứa.

* Quy mô, tính chất của bụi, khí thải trong giai đoạn vận hành: Không phát sinh

2.2.1.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

a. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn sinh hoạt

* Giai đoạn thi công:

- Hoạt động sinh hoạt, làm việc của công nhân tham gia thi công công trình phát sinh chất thải rắn sinh hoạt với khối lượng khoảng 72,8 kg/ngày. Thành phần chủ yếu bao gồm: thức ăn thừa, vỏ chai lọ, túi ni-long….

- CTR xây dựng: Công trình sẽ nạo vét các đoạn cạn trên luồng kênh Tám Ngàn, trong trường hợp nạo vét bằng máy đào gầu dây sẽ phát sinh rác thải dưới đáy sông cuốn theo CNV. Thành phần rác thải tại đáy sông là chất thải rắn thông thường với thành phần chủ yếu là bao bì, túi nilon, cành cây… Khối lượng CTR thông thường dự kiến bằng 1% khối lượng nạo vét bằng máy đào gầu dây. Khối lượng nạo vét bằng gầu dây dự kiến là 331.615,62 m^3, lượng CTR thông thường phát sinh là 331.615,62 m^3 × 1% = 3.316 m^3 tương đương 3000 kg tương đương 46 kg/ngày.

- CTR thông thường khác: CTR thông thường khác phát sinh từ hoạt động thi công bãi chứa và rác cuốn theo chất nạo vét khi thi công bằng máy đào gầu dây khoảng 0,3 kg/ngày với thành phần bao gồm vải bạt, dây thép, túi nilon, bao bì, cành cây…

* Giai đoạn vận hành: Không phát sinh.

b. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

* Giai đoạn thi công:

- Hoạt động thi công và hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa, thay dầu đối với phương tiện thi công phát sinh CTNH với khối lượng 214kg trong đó: 13,2 kg giẻ lau dính dầu và 201,2 kg dầu thải trong toàn bộ thời gian thi công. Thành phần chủ yếu gồm: dầu mỡ thải, giẻ lau có dính dầu, bóng đèn huỳnh quang thải, mực in thải.

* Giai đoạn vận hành: Không phát sinh.

2.2.1.3. Tiếng ồn và độ rung

* Giai đoạn thi công:

Tiếng ồn, độ rung phát sinh trong giai đoạn thi công nạo vét chủ yếu từ hoạt động của các phương tiện vận chuyển; hoạt động của máy móc thi công tại khu vực nạo vét và tại bãi chứa CNV: Tgầu dây, tàu hút phun, máy phát điện,... với độ ồn ở khoảng cách 10m dao động khoảng 90dBA gây khó chịu cho công nhân lao động.

* Giai đoạn vận hành: Không phát sinh.

2.2.2. Các tác động khác

* Giai đoạn thi công xây dựng:

- Tác động đến kinh tế - xã hội

+ Vấn đề an ninh trật tự xã hội phương: Việc tập trung một khối lượng công nhân (khoảng 56 người) cũng tiềm ẩn nguy cơ xảy ra xung đột giữa công nhân và dân địa phương: mâu thuẫn về phong tục tập quán, từ các hoạt động sinh hoạt, mua bán…hàng ngày; mâu thuẫn do bảo quản máy móc, thiết bị (đặc biệt các máy móc có giá trị kinh tế cao) nếu không được bảo quản tốt có thể xảy ra hiện tượng mất cắp; gia tăng các tệ nạn xã hội, tăng áp lực trong công tác quản lý an ninh trật tự cho địa phương.

+ Tác động đến sức khoẻ con người

+ Nguy cơ lây lan dịch bệnh: Việc tập trung công nhân tiềm ẩn nhiều nguy cơ lây lan các dịch bệnh truyền nhiễm như tiêu chảy, sốt xuất huyết, … và các bệnh xã hội do lối sống không vệ sinh hoặc thiếu lành mạnh của công nhân gây ra.

- Ảnh hưởng đến nguồn cấp nước đầu vào của các trạm cấp nước: Trong quá trình nạo vét, hàm lượng TSS trong nước tại các vị trí họng lấy nước sẽ tăng so với hiện trạng.

- Ảnh hưởng đến chế độ thủy văn: Hoạt động nạo vét giúp mở rộng mặt cắt ướt lòng kênh Tám Ngàn, chỉnh trị dòng chảy theo hướng ra giữa sông từ đó giảm áp lực về hai bên bờ sông từ đó giảm nguy cơ xảy ra sạt lở, sụt lún đường bờ.

- Ảnh hưởng đến hệ sinh thái và hoạt động NTTS: Hoạt động nạo vét của công trình sẽ làm xáo trộn môi trường sống của các loài sinh vật đáy, các loài sinh vật ở tần nước nổi phải di cư sang chỗ khác. Chất rắn lơ lửng phát sinh làm giảm lượng ánh sáng đi vào môi trường nước từ đó làm giảm quá trình quang hợp của rong, tảo và động vật nước.

- Tác động đến giao thông thủy: Gia tăng mật độ giao thông do vừa thi công nạo vét vừa hành hải trên tuyến luồng từ đó tăng nguy cơ mất an toàn giao thông thủy.

- Rủi ro, sự cố: Tai nạn giao thông thủy, tràn dầu, rò rỉ sạt lở đê bao bãi chứa CNV, vỡ đường ống dẫn CNV, rò rỉ trong quá trình vận chuyển CNV, sụt lún sạt lở đường bờ, tai nạn lao động, thiên tai, sự cố ảnh hưởng trụ cầu, mất an toàn đường điện.

* Giai đoạn vận hành: Không phát sinh

2.3. Biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường

2.3.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

a. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt

* Giai đoạn thi công:

- Biện pháp: Phương tiện thủy tham gia thi công được trang bị két chứa, nhà vệ sinh trên các phương tiện thi công theo quy định của QCVN17:2011/BGTVT/SĐ2:2016 và được kiểm tra, chứng nhận về phòng ngừa ô nhiễm môi trường theo quy định bố trí.

- Quy định cán bộ, công nhân tham gia thi công không phóng uế bừa bãi, không thải trực tiếp nước thải ra môi trường xung quanh.

* Giai đoạn vận hành: Không có.

* Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Giám sát, thực hiện, bảo đảm toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh trong quá trình thực hiện Công trình được thu gom, xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành, không thải nước thải chưa qua xử lý đạt yêu cầu ra môi trường; đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/1/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMTT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường, Thông tư 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

b. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải thi công xây dựng

* Giai đoạn thi công

❖ *Biện pháp giảm độ đục trong quá trình nạo vét và vận chuyển CNV*

- Sử dụng phương tiện nạo vét và vận chuyển phù hợp trong Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình

- Đảm bảo thi công đúng khối lượng, vị trí được duyệt.

- Khối lượng từng gầu ngoạm giữ ở mức khoảng 90% để giữ hiệu quả cho công tác nạo vét.

- Quy định tàu chỉ được phép chở đúng trọng tải theo quy định.

- Kiểm tra chiều cao an toàn khoang chứa chất nạo vét trên tàu, đảm bảo không xảy ra rò rỉ tràn đổ chất nạo vét.

- Ưu tiên tập trung thi công vào thời điểm triều bắt đầu xuống, hạn chế thi công lúc nước kênh Tám Ngàn đạt đỉnh triều, tránh trùng thời điểm lấy nước NTTS của người dân.

- Thi công bãi chứa đúng thiết kế được phê duyệt, định kỳ kiểm tra theo dõi độ ổn định của hệ thống đê bao, đê ngăn, cửa tràn, cửa xả.

❖ *Biện pháp giảm độ đục trong quá trình xả CNV và kiểm soát nước róc, nước mưa từ bãi đổ*

- Kiểm soát công tác đổ CNV đúng nơi quy định là yêu cầu bắt buộc và sẽ được giám sát chặt chẽ trong thời gian thực hiện thi công.

- Nước mưa chảy tràn được xử lý sơ bộ qua hệ thống ô lắng, ô chứa.

- Nước róc từ bãi chứa được chảy qua hố lắng trước khi theo đường ống xả nước PVC Ø400 chảy ra môi trường tiếp nhận (kênh Tám Ngàn). Bãi tập kết chất nạo vét được bao quanh bởi hệ thống đê bao 2 ngăn: Bãi chứa chất nạo vét và ngăn lắng.

- Ô lắng sẽ được đơn vị thi công và giám sát kiểm tra và tiến hành giám sát thường xuyên để đảm bảo nước đưa ra ngoài kênh Tám Ngàn tuân thủ theo tiêu chuẩn phù hợp với nguồn tiếp nhận.

Nước róc từ bãi chứa CNV → Cửa thoát nước → ngăn lắng → Đường ống xả nước PVC Ø400 ra kênh Tám Ngàn.

* Giai đoạn vận hành: Không có.

2.3.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

* Giai đoạn thi công xây dựng

- Sử dụng phương tiện, thiết bị nạo vét thi công phải được Cơ quan đăng kiểm Việt Nam kiểm định về tiêu chuẩn khí thải, đáp ứng yêu cầu theo quy chuẩn hiện hành.

- Các phương tiện vận chuyển: ca nô, sà lan... chở đúng tải trọng và đúng tuyến quy định.

- Thường xuyên duy tu, kiểm tra, bảo dưỡng phương tiện, thiết bị để đảm bảo điều kiện tốt nhất về mặt kỹ thuật.

- Xây dựng đê bao bãi chứa đúng thiết kế được phê duyệt, thực hiện các giải pháp kỹ thuật, công trình phù hợp trong quá trình đổ vật, chất nạo vét ra môi trường xung quanh.

- Trang bị cho công nhân sử dụng thiết bị bảo hộ cá nhân (khẩu trang vải, khẩu trang hoạt tính…).

* Giai đoạn vận hành: Về cơ bản không phát sinh bụi, khí thải.

* Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Quản lý, giám sát, thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải phát sinh bởi các hoạt động của Công trình; bảo đảm môi trường không khí xung quanh khu vực Công trình trong các giai đoạn luôn nằm trong giới hạn cho phép theo quy định tại QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

2.3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

* Giai đoạn thi công:

- Biện pháp giảm thiểu tác động do CTRSH:

+ Nghiêm cấm vất rác thải ra môi trường xung quanh gây ô nhiễm và mất mỹ quan khu vực. Định kỳ 02-03 ngày/lần thực hiện thu gom vận chuyển xử lý phù hợp quy định hiện hành.

+ Kích thước thùng chứa chất thải rắn trên tàu được xác định theo QCVN 17:2011/BGTVT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia "Quy phạm ngăn ngừa ô nhiễm do phương tiện đường thủy nội địa, phần chất thải rắn

+ Phương án phân loại CTR: rác thải sinh hoạt được phân loại ngay tại nguồn, được phân loại chất thải hữu cơ và chất thải vô cơ, mỗi loại chất thải được thu gom vào mỗi thùng rác riêng biệt loại 60 lít cụ thể:

+ Chất thải rắn hữu cơ: Sử dụng bao bì để chứa chất thải rắn, dán nhãn "Rác thải hữu cơ" đối với các thải dễ phân hủy như thức ăn thừa.

+ Chất thải rắn vô cơ: Sử dụng bao bì để chứa chất thải rắn, dán nhãn "Rác thải vô cơ" đối với các thải khó phân hủy: túi nilong, bao bì đựng thực phẩm.

- Biện pháp giảm thiểu CTR xây dựng, CTR thông thường khác

+ Chất thải rắn xây dựng của công trình phát sinh bao gồm vải bạt PVC và dây thép đều là vật liệu xây dựng có thể tái chế, tái sử dụng được.

+ Bùn đất nạo vét từ đoạn mương làm bãi đổ được tận dung làm vật liệu đắp đê bao bãi chứa.

* Giai đoạn vận hành: Không có

2.3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

* Giai đoạn thi công:

- Toàn bộ dầu thải và chất thải chứa dầu được thu gom vào các thùng chuyên dụng riêng biệt, có dán nhãn ký hiệu. Tại mỗi tàu và khu vực thi công đê bao bãi chứa CNV bố trí 01 thùng 60 lít để chứa dầu thải (dạng lỏng) và 01 thùng 60 lít chứa giẻ lau dính dầu mỡ và thành phần nguy hại trong CTRSH (dạng rắn). Sau khi đầy, các thùng này được chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Dầu thải và chất thải chứa dầu sẽ được Chủ dự án yêu cầu nhà thầu thi công liên hệ với đơn vị chức năng để tiếp nhận xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP, Thông tư 02/2022/TT-BTNMT dưới sự giám sát của Chủ dự án.

* Giai đoạn vận hành: Không phát sinh

* Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Thu gom, xử lý CTNH phát sinh trong quá trình thực hiện công trình đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT - BTNMT và Thông tư số 07/2025/TT - BTNMT.

2.3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

* Giai đoạn thi công:

- Phương tiện thủy và xe, máy sử dụng trong thi công đúng số lượng, chủng loại, công suất được duyệt và được kiểm tra, chứng nhận về chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định.

- Tuân thủ biện pháp tổ chức thi công theo thiết kế bản vẽ thi công được duyệt.

- Bố trí thời gian làm việc hợp lý.

- Trang bị bảo hộ lao động cá nhân giảm ồn cho công nhân vận hành phương tiện, máy móc, thiết bị thi công theo quy định. Sử dụng các trang thiết bị giảm ồn, bảo hộ lao động cho công nhân tại những bộ phận gây ồn như mũ chụp tai hoặc nút chống ồn bằng chất dẻo.

- Đơn vị thi công thường xuyên theo dõi, kiểm tra hoạt động của phương tiện, kịp thời sửa chữa các hư hỏng có thể gây ra tiếng ồn.

* Giai đoạn vận hành: Không phát sinh

* Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Đảm bảo môi trường xung quanh khu vực Công trình luôn ở mức độ cho phép của QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành Công trình

2.3.6. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác

2.3.6.1. Phương án thực hiện để bảo vệ, phòng, chống sạt lở lòng, bờ, bãi, sông, hồ và các yêu cầu, điều kiện để bảo vệ, phòng chống sạt lở lòng, bờ, bãi, sông, hồ.

- Thi công theo đúng thiết kế được duyệt sẽ loại trừ các tác động đến khả năng tiêu thoát lũ, ổn định lòng bờ, bãi sông tại vị trí nạo vét.

- Tuân thủ biện pháp tổ chức thi công theo thiết kế bản vẽ thi công được duyệt.

2.3.6.2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

* Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường trong giai đoạn thi công

- Biện pháp phòng ngừa sự cố va chạm, tai nạn giao thông đường thủy

- Trong mọi trường hợp, Nhà thầu sẽ thông tin hàng ngày về tình hình giao thông tại khu vực thi công với Chủ đầu tư, Đơn vị điều khiển giao thông và các cơ quan quản lý Nhà nước có liên quan.

- Phối hợp với đơn vị chức năng để đảm bảo an toàn, đặc biệt là các tuyến phà trong khu vực.

- Trong trường hợp được cấp phép thi công ban đêm, tàu nạo vét và các thiết bị phụ trợ khác làm việc trên luồng phải được thắp sáng đầy đủ.

- Biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng phó rủi ro, sự cố tràn dầu

- Yêu cầu nhà thầu thi công trang bị các phương tiện ứng phó sự cố tràn dầu (UPSCTD).

- Điều khiển phương tiện chấp hành đúng chỉ dẫn luồng. Hạn chế tối đa nguyên nhân gây tai nạn, đâm va trên sông.

- Phương tiện thi công được cơ quan đăng kiểm đánh giá, cấp phép hoạt động, có đủ cơ sở vật chất, kỹ thuật và có kế hoạch ngăn ngừa, giảm thiểu nguy cơ tràn dầu; nhà thầu thi công sẽ hợp đồng nguyên tắc ứng phó sự cố tràn dầu với đơn vị ứng phó sự cố tràn dầu.

- Biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng phó sự cố sạt lở đê bao bãi chứa

+ Kiểm tra cao độ đỉnh đê, chân đê và mặt đất phía ngoài đê để so sánh với số liệu địa hình trước khi thi công nhằm phát hiện các vị trí có dấu hiệu lún sụt, giảm yếu.

+ Kiểm tra cửa tràn, đảm bảo đúng yêu cầu.

+ Quá trình thi công đắp đê bao đắp theo từng lớp, sau khi nền ổn định mới tiến

hành đắp các lớp tiếp theo tới cao độ thiết kế.

+ Quá trình thi công đê bao nền bãi sẽ có hiện tượng lún. Nhà thầu thi công thường xuyên kiểm tra theo dõi và đắp bổ sung để duy trì cao trình đỉnh đê theo thiết kế.

+ CNV được phun rải đều, không bơm cục bộ tại một khu vực thành đống.

+ Quá trình thi công phun CNV thường xuyên kiểm tra, theo dõi ổn định của tuyến đê bao, đê ngăn, cửa tràn, cửa xả. Nếu có dấu hiệu bất thường (chuyển vị, sạt lở....) thì cần dừng thi công và báo cho các đơn vị có liên quan được biết để xử lý kịp thời.

- Biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng phó sự cố đường ống dẫn chất nạo vét

+ Thường xuyên kiểm tra đường ống dẫn phun chất nạo vét từ tàu hút phun đến vị trí bãi chứa chất nạo vét.

+ Hệ thống ống nổi tại mối nối bằng ống cao su có thể co dãn, tránh ảnh hưởng đến việc xoay trở của tàu hút phun.

+ Thường xuyên kiểm tra áp lực, công suất phun của tàu hút phun, nếu có dấu hiệu tăng áp lực cần phải có biện pháp can thiệp kỹ thuật bằng cách tăng lượng nước hòa vào chất nạo vét để phun vào giúp làm giảm áp lực trong đường ống và tránh bị tắc ống.

- Biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng phó sự cố rò rỉ trong quá trình vận chuyển chất nạo vét

Tàu không được chở quá trọng tải.

- Biện pháp giảm thiểu sự cố sạt lở đường bờ

- Thi công tuân thủ theo đúng hồ sơ thiết kế của công trình. Khu vực thi công có báo hiệu bằng cờ, phao dễ nhận biết hoặc bằng đèn ban đêm.

- Theo dõi độ sâu nạo vét để đảm bảo không nạo vét quá độ sâu cho phép, lập kế hoạch thi công hợp lý và tổ chức giám sát thi công chặt chẽ.

- Các phương tiện thi công tuân thủ theo kế hoạch thi công, người vận hành thiết bị thi công phải tuân thủ kỹ thuật, không thi công tập trung tại một điểm gây hố xoáy.

- Trong quá trình thi công Chủ dự án, đơn vị thi công sẽ kết hợp với người dân và chính quyền địa phương theo dõi, giám sát đường bờ hai bên bờ sông khu vực nạo vét, trong trường hợp để xảy ra sạt lở sẽ dừng thi công và phối hợp với các cơ quan chức năng để đánh giá, khắc phục sự cố.

- Biện pháp giảm thiểu tại họng cấp nước

- Lên kế hoạch thi công hợp lý, thông báo tới các trạm kế hoạch nạo vét để các trạm lên phương án mở họng lấy nước cho phù hợp.

- Thi công theo từng đoạn ngắn, không nạo vét toàn bộ cùng lúc để giảm lan truyền bùn.

- Nạo vét lớp bùn từng lớp mỏng, tránh khuấy động mạnh đáy kênh.

- Nạo vét bằng gầu ngoạn kín để Giảm thiểu sự khuấy đục, phân tán bùn cát trong nước, giảm khối lượng bùn đất phát sinh cần xử lý.

2.3.6.3. Biện pháp giảm thiểu tác động tới giao thông:

- Bố trí biển báo, người phân luồng giao thông tại vị trí nạo vét; tập kết máy móc, nguyên nhiên vật liệu trong giới hạn ranh công trình, tránh tràn đổ đất ra đường; thường xuyên giám sát, dọn dẹp bụi và bùn lầy trên đường dọc tuyến thi công

2.4. Chương trình quản lý và giám sát môi trường

2.4.1. Chương trình quản lý môi trường

Bảng 8. Chương trình quản lý môi trường

Các hoạt động của dự án	Các tác động môi trường	Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Thời gian thực hiện	Tần suất quan trắc môi trường	Trách nhiệm giám sát
Thi công bãi chứa CNV	Gia tăng tiếng ồn, bụi, chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn nguy hại, khí thải của phương tiện	Tác động là không đáng kể, do cách xa khu dân cư, nguồn thải là di động và khu vực thi công ngoài trời, thoáng đãng.	Trong suốt thời gian thi công	Không thực hiện quan trắc môi trường	Đơn vị tư vấn giám sát thi công và các đơn vị liên quan.
Thi công nạo vét luồng, và phun hút CNV lên bãi chứa	Phát sinh tiếng ồn, gia tăng độ đục, giảm oxy hòa tan trong nước ảnh hưởng đến chất lượng nước tại khu vực nạo vét; ảnh hưởng môi trường sống của sinh vật thủy sinh. Tiềm ẩn nguy cơ xảy ra sự cố như tai nạn giao thông thủy, sự cố tràn dầu…	Khi thi công tuân thủ theo bản vẽ thi công dự án; phương án đảm bảo an toàn giao thông. Thực hiện giám sát, kiểm soát chất lượng môi trường trong quá trình thi công.	Trong suốt thời gian thi công	Thực hiện quan trắc môi trường theo Chương trình giám sát môi trường theo báo cáo ĐTM được duyệt.	Đơn vị tư vấn giám sát thi công, đơn vị giám sát môi trường và các đơn vị liên quan.

2.4.2. Giám sát môi trường

2.4.2.1. Chương trình giám sát môi trường trong giai đoạn chuẩn bị và thi công xây dựng

Bảng 2. Chương trình giám sát giai đoạn chuẩn bị và thi công xây dựng

TT	Hạng mục giám sát	Nội dung
I	**Chất thải rắn**	
1	Thông số giám sát	- Giám sát tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh; số lượng, chất lượng của các thùng gom rác
2	Vị trí	Trên các phương tiện thủy tham gia thi công và khu vực bãi chứa CNV.
3	Tần suất giám sát	Trong thời gian nạo vét công trình
II	**Chất thải nguy hại, CTR công nghiệp**	
1	Thông số giám sát	Giám sát tổng lượng chất thải phát sinh; số lượng, chất lượng của các thùng chứa chất thải
2	Vị trí	Trên các phương tiện thủy tham gia thi công và khu vực bãi chứa CNV.
3	Tần suất giám sát	Trong thời gian nạo vét công trình
III	**Môi trường nước mặt**	
1	Thông số giám sát	- TSS
2	Vị trí	10 vị trí (từ VT1 đến VT10) x 01 mẫu/vị trí là các vị trí nước từ cửa xả của các bãi đổ chất nạo vét gần khu vực và các vị trí họng cấp nước của các công trình khai thác nước sạch. VT1: km30+140; VT2: Km17+900; VT3: Km15+380; VT4: Km15+040; VT5: Km4+780; VT6: Km1+580; VT7: Km34+000; VT8: Km29+650; VT9: Km26+400; VT10: Km18+600
3	Tần suất	01 tháng/lần
4	Tiêu chuẩn so sánh/Quy định	Áp dụng QCVN 08:2023/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt (Bảng 1 và 2).

2.4.2.2. Giám sát khác

- Giám sát cao trình nạo vét, đường ống phun chất nạo vét, kiểm soát và giám sát chất thải tại khu vực thi công và hoạt động vận chuyển, đổ CNV lên bãi chứa

- Giám sát hiện tượng sạt lở đường bờ hai bên bờ kênh Tám Ngàn dọc tuyến luồng nạo vét. Giám sát đường bờ bằng phương pháp khảo sát trực tiếp: so sánh đường bờ trước và sau khi nạo vét bằng việc quan sát định kỳ và giám sát, kiểm tra đột xuất khi có dấu hiệu bất thường.

- Giám sát độ ổn định của bãi chứa.

- Dừng ngay việc nạo vét, liên hệ và báo cáo với các cơ quan có chức năng để kịp thời kiểm tra, xử lý theo quy định khi phát hiện ô nhiễm môi trường và các hiện tượng xói lở bất thường hay bất kỳ sự cố nào.

Đơn vị chịu trách nhiệm giám sát: Tư vấn giám sát thi công.

2.5. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

2.5.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường: không có.

2.5.2. Phương án bồi hoàn đa dạng sinh học: không có.

3. Cam kết của Chủ dự án

- Chủ dự án cam kết các thông tin, số liệu, tài liệu sử dụng trong báo cáo ĐTM chính xác, trung thực.

- Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường đã được đề xuất tại Chương 5, bao gồm những biện pháp giảm thiểu tác động xấu, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường, xây dựng các công trình xử lý môi trường và thực hiện công tác giám sát môi trường sau khi báo cáo ĐTM của Dự án được Bộ nông nghiệp và môi trường phê duyệt

Trong quá trình thi công xây dựng đảm bảo tuân thủ các quy định, các tiêu chuẩn và quy chuẩn Việt Nam và quốc tế về môi trường nhằm bảo đảm chất lượng không khí, nước mặt, nước ngầm và trầm tích đạt các tiêu chuẩn Việt Nam và quốc tế về môi trường, bao gồm:

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường;

- Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/1/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường;

- Thông tư 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường;

- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Tuân thủ các tiêu chuẩn, các quy chuẩn Việt Nam về môi trường:

+ QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí;

+ QCVN 26: 2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn;

+ QCVN 27:2025/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về rung động;

+ QCVN 08:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt;

+ QCVN 09:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước

dưới đất;

+ QCVN 03: 2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng đất;

+ QCVN 43:2025/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng trầm tích;

+ QCVN 07:2025/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng chất thải nguy hại;

2. Cam kết với cộng đồng dân cư:

Chủ dự án sẽ phối hợp với các đơn vị, cơ quan quản lý môi trường địa phương, thuê đơn vị tư vấn giám sát thi công theo dõi, giám sát các biện pháp giảm thiểu môi trường trong quá trình triển khai thực hiện công trình và thực hiện các cam kết sau:

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu các tác động tiêu cực do dự án gây ra như đã nêu trong Chương 3 như thi công đúng phạm vi, cao độ; Đơn vị nhà thầu thi công trang bị thùng chứa rác thải tại các phương tiện thi công sau đó chuyển giao cho đơn vị có đủ chức năng xử lý; thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng máy móc thiết bị bị công; Nhà thầu thi công thực hiện biện pháp về ứng phó sự cố tràn dầu theo quy định.

- Đối với nước thải sinh hoạt, CTR sinh hoạt, CTNH: Nhà thầu thi công bố trí phương tiện thu gom, lưu giữ chất thải trên phương tiện thi công và chuyển giao các chất thải phát sinh theo đúng quy định.

- Đối với chất nạo vét, nước thoát từ bãi chứa: Cam kết đổ chất nạo vét đúng nơi quy định, thi công và giám sát hệ thống bãi chứa đảm bảo đúng thiết kế được duyệt.

- Đối với bụi, khí thải: Cam kết Nhà thầu thi công sử dụng phương tiện thi công còn hạn đăng kiểm, đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hiện hành.

- Phòng ngừa, giảm thiểu sạt lở đường bờ: Nạo vét đúng phạm vi theo hồ sơ thiết kế, thường xuyên theo dõi tại các vị trí có nguy cơ cao. Nếu trong trường hợp xảy ra sạt lở đường bờ khu vực nạo vét do thi công, Chủ dự án, Nhà thầu thi công sẽ phối hợp các bên có liên quan tiến hành khắc phục sự cố.

- Phòng ngừa, giảm thiểu sạt lở bờ bao bãi chứa và sự cố vỡ đường ống phun chất nạo vét: Thi công bờ bao bãi chứa theo đúng hồ sơ thiết kế phê duyệt và đổ đúng dung tích bãi chứa; Thường xuyên theo dõi bờ độ ổn định của bao bãi chứa và đường ống phun chất nạo vét. Nếu trong trường hợp xảy ra sạt lở bờ bao khu vực nạo vét, rò rỉ hay vỡ đường ống phun chất nạo vét, Nhà thầu thi công phối hợp các bên có liên quan tiến hành sửa chữa, khắc phục sự cố và đền bù thiệt hại (nếu có).

- Thực hiện tốt các chương trình quản lý, giám sát và quan trắc môi trường như đã nêu trong Chương 5.

- Chủ dự án dự án cam kết thực hiện các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam về Bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai và thực hiện dự án: Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Luật Giao thông đường thủy, Luật Tài nguyên nước, Luật Khoáng sản và văn bản pháp luật có liên quan.

- Nạo vét đúng phạm vi, đúng cao độ và đúng hệ số mái dốc theo hồ sơ thiết kế đã được phê duyệt và theo chuẩn tắc thiết kế luồng. Giám sát các phương tiện thi công

đảm bảo không để các phương tiện thi công ngoài phạm vi cho phép ảnh hưởng - giao thông vận tải, an ninh trật tự.

Nhà thầu thi công kiểm soát chặt chẽ các tác động đến môi trường trong quá trình thi công như có phương án ứng phó khi có sự cố về môi trường xảy ra sẽ phối hợp với bên có liên quan đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp các sự cố, rủi ro môi trường xảy ra do việc triển khai dự án làm ảnh hưởng - khu vực nuôi trồng thủy sản, sản xuất nông nghiệp; sạt lở, sụt lún khu vực dân cư sinh sống.

- Về sự cố môi trường (cháy nổ, sự cố tràn dầu…): Nhà thầu thi công không vận chuyển quá tải trọng cho phép, không để rơi vãi CNV trong quá trình vận chuyển; xây dựng đê bao bãi chứa đúng thiết kế không để nước róc từ bãi đổ chưa qua xử lý xả ra ngoài môi trường.

Ngoài ra, Chủ dự án cam kết sẽ yêu cầu nhà thầu thi công thực hiện các biện pháp phòng chống, giảm thiểu ô nhiễm khác đã trình bày trong báo cáo.

- Cam kết vận chuyển, đổ chất nạo vét đúng vị trí đã được UBND tỉnh An Giang chấp thuận tại Công văn số 9634/VP-KT ngày 10/12/2025 của UBND tỉnh An Giang về việc vị trí tiếp nhận chất nạo vét từ dự án Nạo vét đảm bảo giao thông kênh Tám Ngàn (Km0+00 - Km36+000); Cam kết tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật về quản lý tài nguyên, vật liệu nạo vét; Cam kết thông báo kịp thời cho cơ quan chức năng khi phát sinh vấn đề ô nhiễm môi trường từ dự án.

- Khi có sự cố môi trường xảy ra Nhà thầu sẽ phải tạm ngưng thi công và thực hiện biện pháp khắc phục.

- Phối hợp với các cơ quan chức năng về phòng chống thiên tai, an ninh trật tự và các biện pháp xử lý sự cố môi trường khác vượt quá khả năng xử lý của chủ dự án (xói lở, bồi tụ, tràn dầu...)./.

CHỦ DỰ ÁN
CỤC HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THỦY VIỆT NAM
PHÓ CỤC TRƯỞNG

Tống Hoàng Kha